

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/DS-PT

Ngày: 15/3/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trường Thọ
Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Thị Trúc Lâm -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2020/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **H**, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Anh **S**, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 31/8/2020).

2. Bị đơn: Ông **T**, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Tr** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: đường H, Phường 2, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị D, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn bà H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh S trình bày:

Do quan hệ quen biết nên bà H có cho ông T mượn tiền và vàng tổng cộng là 12 lần tính từ ngày 01/8/2019 cho đến ngày 04/11/2019, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Ngày 01/8/2019, mượn 01 sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 18K và 01 chiếc nhẫn cà rá trọng lượng 01 chỉ 03 phân vàng 18K để làm giấy tờ đất, ông T là người trực tiếp nhận vàng.

+ Lần 2: Ngày 10/10/2019, mượn 15.000.000 đồng, ông T là người trực tiếp nhận tiền.

+ Lần thứ 3: Ngày 15/10/2019, mượn 20.000.000 đồng, ông T là người trực tiếp nhận tiền.

+ Lần thứ 4: Ngày 16/10/2019, mượn 15.000.000 đồng, ông T là người trực tiếp nhận tiền.

+ Lần thứ 5: Sáng ngày 17/10/2019, ông T hỏi mượn tiền của bà H nhưng do bà không có tiền mặt nên bà đi mượn của người khác 02 chỉ vàng để cho ông T mượn lại. Ông T đến nhà trực tiếp nhận số vàng là 02 chỉ vàng 24K, sau khi đưa vàng cho ông T thì bà cùng ông T đến tiệm vàng T ở Khóm 1, thị trấn N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long bán vàng được số tiền là 8.000.000 đồng rồi cùng ông T đến Số 4 hẻm gặp ở quán nước để ông T đưa tiền cho bà D mượn. Ông T là người trực tiếp đưa tiền cho bà D, bà không biết bà D nên chỉ đi theo xem ông T mượn tiền để làm gì mà cứ nhiều lần.

+ Lần thứ 6: Chiều ngày 17/10/2019, bà H tiếp tục cho ông T mượn 6.000.000 đồng, ông T trực tiếp nhận tiền từ bà rồi chở bà đến chỗ hẻm để ông T giao tiền cho bà D mượn.

+ Lần thứ 7: Ngày 18/10/2019, ông T đến nhà bà H mượn số tiền 12.000.000 đồng và nói là bà D còn thiếu tiền làm giấy tờ đất nên nhờ bà mượn giùm cho bà D, nên bà đi mượn rồi giao lại cho ông T mượn, ông T trực tiếp nhận 12.000.000 đồng.

+ Lần thứ 8: Ngày 29/10/2019, bà H tiếp tục cho ông T mượn số tiền 15.000.000 đồng, ông T là người trực tiếp nhận tiền.

+ Lần thứ 9: Ngày 30/10/2019, bà cho ông T mượn số tiền 15.000.000 đồng, ông T là người trực tiếp nhận tiền.

+ Lần thứ 10: Ngày 31/10/2019, mượn số tiền 30.000.000 đồng, ông T là người trực tiếp nhận tiền.

+ Lần thứ 11: Ngày 01/11/2019, mượn số tiền 10.000.000 đồng, ông T là người trực tiếp nhận tiền.

+ Lần thứ 12: Ngày 04/11/2019, mượn thêm số tiền 9.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K, ông T trực tiếp nhận tiền và vàng. Khi đó, bà với ông T cùng đi lên xã A cầm 02 chỉ vàng 24K được số tiền 7.000.000 đồng, sau đó bà với ông T cùng nhau lên Vĩnh Long gặp bà D để ông T tận tay giao số tiền 16.000.000 đồng cho bà D.

Tổng số tiền mà bà cho ông T mượn là 147.000.000 đồng và số vàng là 06 chỉ 03 phân vàng 18K và 04 chỉ vàng 24K.

Cả 12 lần trên ông T mượn tiền vàng của bà đều để đưa cho bà D ngụ ấp T, xã Đ, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Bà không quen biết bà D và cũng không biết bà D có quan hệ gì với ông T, bà chỉ biết và tin tưởng ông T nên cho ông T mượn. Trong những lần cho ông T mượn thì bà trực tiếp giao tiền vàng cho ông T, không có lần nào bà giao cho bà D, lúc cho mượn và giao tiền thì hai bên không có thỏa thuận lãi suất, không làm biên nhận. Đến ngày 23/11/2019, bà có yêu cầu ông T ký xác nhận có mượn số tiền vàng như trên thì ông T có thừa nhận và đồng ý ký tên.

Khi ông T mượn tiền vàng có hẹn là vài ngày sẽ trả nhưng đến nay thì ông vẫn chưa trả cho bà được khoản tiền vàng nào. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu buộc ông T có nghĩa vụ trả cho bà 06 chỉ 03 phân vàng 18K; 04 chỉ vàng 24K và 147.000.000 đồng tiền gốc, đồng thời yêu cầu trả lãi tính từ ngày 23/11/2019 đến ngày 23/4/2020 là 05 tháng với mức lãi suất 1%/tháng bằng số tiền là: $(147.000.000 \text{ đồng} \times 05 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng}) = 7.350.000 \text{ đồng}$. Tổng gốc và lãi là 154.350.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Theo bị đơn ông T trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của bà H trong lần mượn vàng thứ 1 là đúng. Các lần nhận tiền thứ 2, 3, 4, 7, 8, 9, 10, 11 thì ông không thừa nhận mà ông chỉ nhận tiền vàng giùm từ bà H để chuyển giao cho bà D (theo giấy xác nhận nợ là bà D) theo yêu cầu của bà H.

Riêng lần thứ 5, 6 mượn 02 chỉ vàng 24K và 6.000.000 đồng tiền mặt vào ngày 17/10/2019 và lần thứ 12, mượn 02 chỉ vàng 24K và 9.000.000 đồng tiền mặt vào ngày 04/11/2019 là do bà D liên lạc điện thoại cho ông nhờ ông mượn tiền giùm để làm giấy tờ đất nên ông đến nhà bà H hỏi bà H có không thì cho mượn, bà H đưa tiền thì ông nhận giùm để giao cho bà D với lý do là túi bà H nhỏ không bỏ tiền được sợ rớt, các lần mượn này bà H có cùng ông đi theo bán vàng, có chứng kiến việc ông trực tiếp giao tiền cho bà D.

Trong những lần mượn tiền của bà H để giao cho bà D thì ông đều là người trực tiếp nhận tiền vàng từ tay bà H rồi đem giao cho bà D, khi giao nhận tiền thì không có lập biên nhận cũng không có thỏa thuận lãi suất mà bà D có hứa là sau khi

làm giấy tờ đất xong thì sẽ cho người cho mượn tiền là bà H là 100.000.000 đồng để cảm ơn. Ông đã đối chiếu bản gốc và thừa nhận chữ ký, chữ viết tên trong tờ xác nhận ngày 23/11/2019 là chữ ký, chữ viết của ông nhưng ông không thừa nhận nội dung bởi ông chưa từng ký nội dung trên (ông cho rằng bà H đưa giấy trắng cho ông ký rồi in nội dung vào sau) và không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông trả 06 chỉ 03 phân vàng 18K; 04 chỉ vàng 24K và số tiền vốn gốc 154.350.000 đồng cộng với tiền lãi nêu trên thì ông chỉ đồng ý trả cho bà H là 06 chỉ 03 phân vàng 18K. Đối với số tiền, vàng còn lại và tiền lãi thì ông không đồng ý trả vì ông chỉ đứng ra nhận rồi giao giùm bà H cho bà D chứ ông không có mượn để tiêu xài.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh S đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn T trả cho nguyên đơn số tiền 147.000.000 đồng; 06 chỉ 03 phân vàng 18K; 04 chỉ vàng 24K. Riêng đối với tiền lãi thì chỉ yêu cầu ông T trả lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 23/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 12 tháng thành tiền là: $(147.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \text{ tháng} \times 12 \text{ tháng}) = 14.641.200 \text{ đồng}$. Bị đơn T không đồng ý theo yêu cầu của phía nguyên đơn và chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 06 chỉ 03 phân vàng 18K.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2020/DS-ST, ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H. Buộc ông T trả cho bà H 06 (sáu) chỉ 03 (ba) phân vàng 18K và số tiền gốc 132.000.000 đồng và lãi là 13.147.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông T trả 04 (bốn) chỉ vàng 24K và số tiền 15.000.000 đồng. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 07/12/2020, nguyên đơn bà H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bị đơn ông T trả cho bà 04 (bốn) chỉ vàng 24K và số tiền 15.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Anh S đại diện nguyên đơn trình bày: Các lần mượn thứ 5, 6 và 12 tổng cộng là 04 (bốn) chỉ vàng 24K và số tiền 15.000.000 đồng có giấy xác nhận ngày 23/11/2019 do ông T ký tên. Căn cứ vào giấy xác nhận này, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Các lần mượn tiền vàng thứ 5, 6 và lần 12 là do bà H cùng với ông T trực tiếp gặp bà D cho bà D mượn để làm giấy tờ đất và sau này bà D đền ơn cho bà H với số tiền là 100.000.000

đồng. Sự việc này phù hợp với biên bản đối chất đề ngày 30/7/2020, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông T trình bày: Thống nhất với trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông và có bổ sung thêm ý kiến là các lần mượn thứ 5, 6 và lần 12 là đều do bà H cho bà D mượn tiền nhằm mục đích sau này bà D đền ơn cho bà H, ông chỉ là người trung gian giới thiệu bà H cho bà D mượn tiền vàng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

+ Về tính hợp pháp của kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các Điều 273, 276, 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn H về việc yêu cầu bị đơn T trả cho nguyên đơn 04 (bốn) chỉ vàng 24K và số tiền 15.000.000 đồng. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2020/DS-ST, ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại các Điều 273, 276, 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Theo Giấy xác nhận đề ngày 23/11/2019 thể hiện các lần thứ 5, 6 và 12 tổng cộng tiền, vàng mà ông T nhận từ bà H là 04 chỉ vàng 24K và 15.000.000 đồng và cả 03 lần này bà H cùng đi với ông T đến gặp bà D để ông T giao cho bà D nhận. Tại

biên bản đối chất ngày 30/7/2020, ông T và bà H thừa nhận bà D có hứa là sau khi làm giấy tờ đất xong sẽ cho bà H số tiền 100.000.000 đồng để cảm ơn.

Như vậy, các lần vay mượn thứ 5, 6 và 12 thì ông T là người trực tiếp nhận tiền và vàng từ bà H rồi sau đó ông T trực tiếp giao cho bà D nhận có mặt bà H. So với các lần vay, mượn khác thì ông T nhận tiền và vàng trực tiếp từ bà H rồi sau đó giao lại cho bà D nhận nhưng không có sự chứng kiến của bà H. Từ đó cho thấy, các lần vay mượn thứ 5, 6 và 12 theo Giấy xác nhận đề ngày 23/11/2019 thể hiện rõ bản chất của sự việc bà H là bên cho vay mượn biết được mục đích vay mượn và trực tiếp gặp bà D là bên vay mượn, còn ông T chỉ là người trung gian giới thiệu. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài Giấy xác nhận đề ngày 23/11/2019 thì phía nguyên đơn chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 48/2020/DS-ST, ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đồng thời, xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn kháng cáo là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí, nên miễn nộp toàn bộ tiền án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2020/DS-ST, ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn H.

Buộc bị đơn ông T có trách nhiệm trả cho bà H: 06 (sáu) chỉ 03 (ba) phân vàng 18K; số tiền gốc là 132.000.000đ (một trăm ba mươi hai triệu đồng) và lãi là 13.147.000đ (mười ba triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông T trả 04 (bốn) chỉ vàng 24K và 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa